TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 488/2017/DS-ST
Ngày: 29-9-2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thế Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Vân Anh

Ông Nguyễn Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Đức Tài – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp "hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 311/2017/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; địa chỉ: Đường N, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M (xin vắng mặt)

(Giấy ủy quyền ngày 31/8/2017)

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T; địa chỉ: Đường L, phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 11/06/2009, ông Nguyễn Ngọc T đã ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 12.000.000 đồng, lãi suất thay đổi theo quy định của ngân hàng theo từng thời kỳ (từ 06/7/2011 đến nay lãi suất thẻ tín dụng là 2.15%), với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 10.000.000 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 15/3/2011, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 9.406.000 đồng; sau đó không tiếp tục

thanh toán. Trong quá trình giao dịch, ông T chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên số tiền mà ông T thanh toán được Ngân hàng trừ vào tiền lãi và phí trước, sau đó mới trừ vào nợ gốc theo quy định tại hợp đồng tín dụng. Vì ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 16/7/2011 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến này 16/7/2011, ông T còn nợ Ngân hàng 4.856.140 đồng nợ gốc.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T phải thanh toán nợ gốc 4.856.140 đồng và tiền lãi chậm trả cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng tín dụng, tạm tính đến ngày 29/09/2017 là 11.838.960 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực.

Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc T không có lời khai tại Tòa án, vắng mặt khi Tòa án triệu tập làm việc, hòa giải và xét xử.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải, bị đơn vắng mặt liên tiếp hai lần mặc dù đã được thông báo, triệp tập hợp lệ. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về nợ gốc và tiền lãi quá hạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Ngọc T trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng 11/6/2009. Theo xác minh của Công an phường P, quận Tân Phú thì thì ông T cư trú tại địa chỉ Đường L, phường P, quận Tân Phú từ năm 2014 đến tháng 7/2015, hiện đã đi khỏi địa phương và không rõ địa chỉ đang cư trú. Việc ông T đi khỏi địa chỉ ghi trên hợp đồng tín dụng, không thông báo địa chỉ cư trú cho phía nguyên đơn, chính quyền địa phương là trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung. Xét đây là tranh chấp hợp đồng (cụ thể là hợp đồng tín dụng) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35 và Điểm a, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập hợp lần thứ hai nhưng ông T vắng mặt không rõ lý do, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông T thanh toán nợ gốc 4.856.140 đồng và tiền lãi chậm trả cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng tín dụng, tạm tính đến ngày 29/09/2017 là 11.838.960 đồng.

Ông T không có lời khai tại Tòa án, không cung cấp bất kỳ chứng cứ, tài liệu phản bác yêu cầu của nguyên đơn, vắng mặt khi được Tòa án triệu tập làm việc, hòa giải và tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án căn cứ vào yêu cầu, các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp để giải quyết vụ án.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/6/2009 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S, Tóm tắt sao kê, Nguyên tắc tính lãi, phí của thẻ tín dụng do Ngân hàng cung cấp thể hiện: Ông T đã ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, hạn mức 12.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân; từ khi kích hoạt thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch bằng thẻ tín dụng với số tiền cộng dồn 10.000.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 9.406.000 đồng. Số tiền thanh toán được trừ vào tiền lãi và phí thanh toán trễ hạn trước khi được trừ vào nợ gốc như thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nên tính đến ngày 16/7/2011, ông T còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc 4.856.140 đồng. Từ ngày 16/7/2011 đến nay, ông T không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông T trả nợ gốc 4.856.140 đồng và tiền lãi theo lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại hợp đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại điều Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tiền lãi chậm trả theo thỏa thuận tại Nguyên tắc tính lãi, phí của thẻ tín dụng, Điều 22 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S từ ngày 16/7/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm (29/9/2017) là 11.838.960 đồng.

Từ ngày 30/9/2017 cho đến khi trả hết nợ, ông T còn có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng TMCP S phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/6/2009 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S có hiệu lực từ ngày 01/6/2010.

Về thời hạn thanh toán: Vì bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nên yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí: Vì toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 834.755 đồng.

[5] Các kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung của vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 338, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 290, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc 4.856.140 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 30/9/2017 là 11.838.960 đồng, tổng cộng 16.695.100 (mười sáu triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn một trăm) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực.

Từ ngày 30/9/2017 cho đến khi trả hết nợ, ông T còn có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng TMCP S phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/6/2009 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S có hiệu lực từ ngày 01/6/2010.

2. Về án phí: Ông T phải chịu 834.755 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP S 388.537 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0026324 ngày 30/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngân hàng TMCP S, ông T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- THADS Q.Tân Phú;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thế Đông